

BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN
CẤP CHỨNG CHỈ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN ĐI VEN BIỂN
230 CÂU



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

THANH HÓA - 2026

NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN

- Lý thuyết tổng hợp (hình thức kiểm tra trắc nghiệm) :200 câu
 - Lý thuyết chuyên môn (hình thức vấn đáp): 30 câu
- Tổng số: 230 câu**

Phân bổ như sau:

Môn kiểm tra		Số câu hỏi	
Lý thuyết tổng hợp	An toàn hoạt động của tàu và người trên tàu	120	200
	Hàng hải		
	Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	80	
Lý thuyết chuyên môn	Vấn đáp	30	
Tổng		230	



Quét mã QR để truy cập trang ôn tập và thi thử online

Phần 1. LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

1.1. An toàn hoạt động của tàu, người trên tàu và Hàng hải

Câu 1. Tâm quay của tàu khi tàu đứng yên và bắt đầu quay chân vịt chuyển động tới

- a. Khoảng giữa tàu
- b. Khoảng 1/3 chiều dài tàu tính từ mũi tàu**
- c. Khoảng 1/3 chiều dài tàu tính từ lái tàu
- d. Tâm mặt phẳng đường nước

Câu 2. Tâm quay của tàu khi tàu đứng yên và bắt đầu quay chân vịt chuyển động lùi

- a. Khoảng 1/4 chiều dài tàu tính từ mũi tàu
- b. Tâm mặt phẳng đường nước
- c. Khoảng 1/3 chiều dài tàu tính từ lái tàu**
- d. Khoảng giữa tàu

Câu 3. Tâm quay của tàu khi tàu chạy tốc độ ổn định

- a. Khoảng 1/4 chiều dài tàu tính từ mũi tàu**
- b. Tâm mặt phẳng đường nước
- c. Khoảng giữa tàu
- d. Khoảng 1/4 chiều dài tàu tính từ lái tàu

Câu 4. Khi tàu chủ vượt một tàu khác trong luồng hẹp, hiện tượng gì xảy ra khi mũi tàu chủ đi qua lái của tàu bị vượt?

- a. Tốc độ tàu chủ tăng lên
- b. Tốc độ hai tàu đều tăng lên
- c. Hai tàu sẽ hút nhau
- d. Hai tàu sẽ đẩy nhau**

Câu 5. Khi tàu hành trình gần khu vực nước nông, hiện tượng gì sẽ xảy ra?

- a. Mũi tàu sẽ bị đẩy ra xa khỏi khu vực nước nông**
- b. Mũi tàu sẽ bị hút về gần khu vực nước nông
- c. Lái tàu sẽ bị đẩy ra xa khỏi khu vực nước nông
- d. Tốc độ tàu sẽ tăng đáng kể

Câu 6. Tàu chạy máy lùi và có trớn lùi. Bánh lái ở vị trí không và tàu có chân vịt chiều phải. Tàu sẽ chuyển động như thế nào?

- a. Mũi tàu sẽ quay sang trái
- b. Mũi tàu sẽ quay sang phải**
- c. Tàu sẽ lùi thẳng
- d. Lái tàu sẽ quay sang phải

Câu 7. Khi muốn giảm tốc độ tàu càng nhanh càng tốt nhưng không muốn thay đổi nhiều hướng tàu, cần hành động như thế nào?

- a. Lùi hết máy
- b. Quay một vòng
- c. Chạy zích zắc.
- d. Lùi hết máy đồng thời bẻ hết lái từ bên phải sang bên trái và ngược lại.**

Câu 8. Vòng quay trở của tàu càng nhỏ thể hiện tính năng nào?

- a. Tính năng quay trở kém
- b. Tính năng quay trở càng chậm
- c. Tính năng quay trở bình thường
- d. Tính năng quay trở càng tốt**

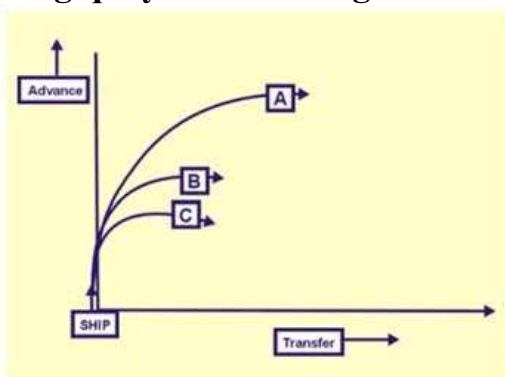
Câu 9. Tàu cần rời khu neo có mật độ tàu đông, thủy diện hạn chế và cần quay 180 độ. Tàu có chân vịt chiều phải và có thể quay về cả 2 phía. Cần điều động tàu quay như thế nào để khoảng quay trở bé nhất có thể?

- a. Hết máy tới và bẻ hết lái trái
- b. Hết máy lùi và bẻ hết lái phải
- c. Bẻ hết lái trái, lùi hết máy. Sau khi có trớn lùi, bẻ hết lái phải và tiến hết máy. Lặp lại đến khi tàu quay được 180 độ**
- d. Bẻ hết lái phải, tiến hết máy. Bẻ hết lái trái, lùi hết máy. Lặp đi lặp lại đến khi tàu quay được 180 độ

Câu 10. Hiệu số môn nước của tàu có ảnh hưởng đến khả năng lái của tàu không?

- a. Có, tàu lái tốt hơn khi tàu chúi mũi
- b. Không, hiệu số môn nước của tàu không ảnh hưởng đến khả năng lái của tàu
- c. Có, tàu lái tốt hơn khi tàu chúi lái**
- d. Không, tốt nhất là khi hiệu số môn nước bằng không

Câu 11. Trong hình vẽ, B là vòng quay trở của tàu ở khu vực nước sâu với góc bẻ lái 20 độ phải. Nếu tàu quay trở ở khu vực nước nông với góc bẻ lái tương tự, vòng quay trở là đường:



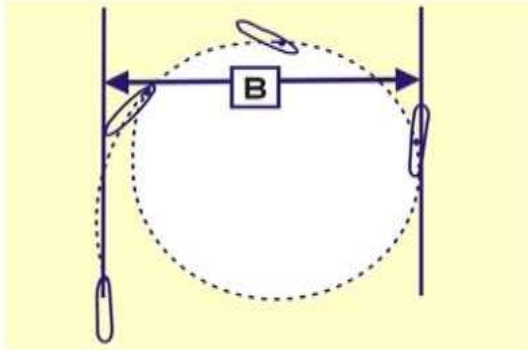
- a. A**
- b. B
- c. C

d. Không đáp án nào đúng



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

Câu 12. Trong hình vẽ vòng quay trở, thông số B là gì?



- a. Đường kính quay trở chiến thuật
- b. Khoảng dịch chuyển ngang
- c. Bán kính quay trở.
- d. Đường kính quay trở

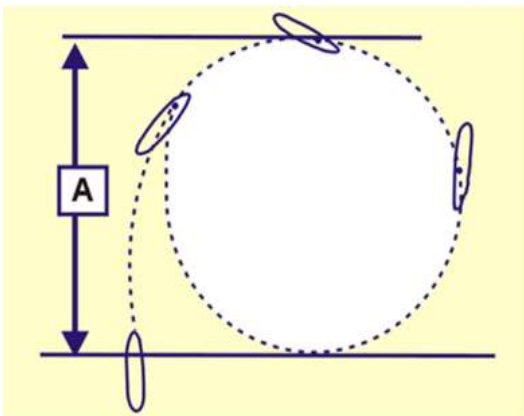
Câu 13: Hiện tượng “squat” là gì?

- a. Là hiện tượng tàu chìm thêm và thay đổi hiệu số môn nước khi tàu chạy với giá trị UKC nhỏ
- b. Là hiện tượng tăng môn nước do hàng hải tại khu vực nước ngọt thay vì nước bi
- c. Là yêu cầu khi tàu hàng hải dưới cầu
- d. Là hiện tượng tăng UKC một lượng nhỏ

Câu 14. Tàu đang chạy với hướng thật 240° . Một người bị rơi xuống nước ở mạn trái. Sau khi thả phao khói và đèn, để thực hiện vòng quay trở Williamson cần thực hiện hành động như thế nào?

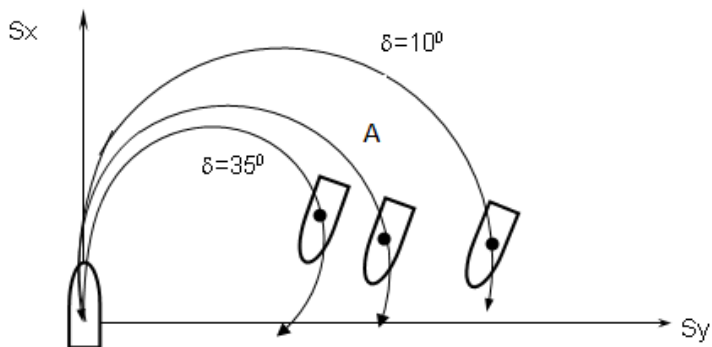
- a. Bẻ hết lái trái đến khi hướng thật là 180°
- b. Bẻ hết lái trái đến khi hướng thật là 195°
- c. Bẻ hết lái phải đến khi hướng thật là 300°
- d. Bẻ hết lái phải đến khi hướng thật là 285°

Câu 15. Trong hình vẽ vòng quay trở, thông số A là gì?



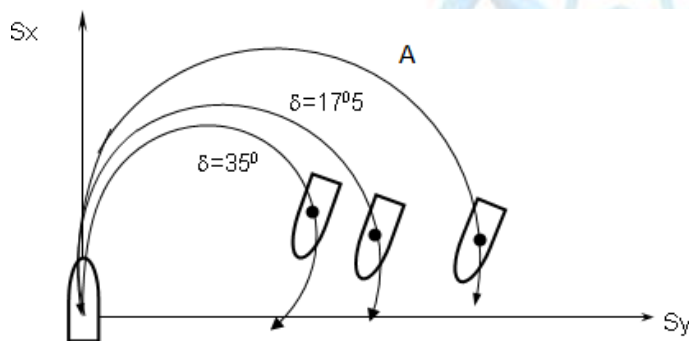
- a. Khoảng dịch chuyển dọc
- b. Đường kính chiến thuật
- c. Khoảng cách dừng
- d. Khoảng dịch chuyển ngang

Câu 16. Hình vẽ thể hiện vòng quay trở của tàu tại cùng điều kiện hàng hải nhưng với các góc bề lái khác nhau? Đường A là vòng quay trở với góc bề lái bao nhiêu độ?



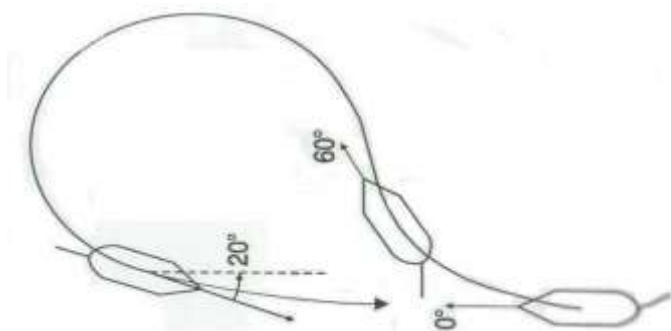
- a. 5 độ
- b. 8 độ
- c. 18 độ**
- d. 40 độ

Câu 17. Hình vẽ thể hiện vòng quay trở của tàu tại cùng điều kiện hàng hải nhưng với các góc bề lái khác nhau? Đường A là vòng quay trở với góc bề lái bao nhiêu độ?



- a. 10 độ**
- b. 20 độ
- c. 25 độ
- d. 30 độ

Câu 18. Đây là vòng quay trở nào?



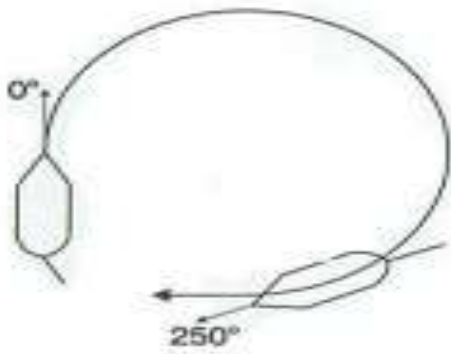
- a. Vòng quay trở Scharnov
- b. Vòng quay trở Anderson
- c. Vòng quay trở Williamson**

d. Không có đáp án nào đúng



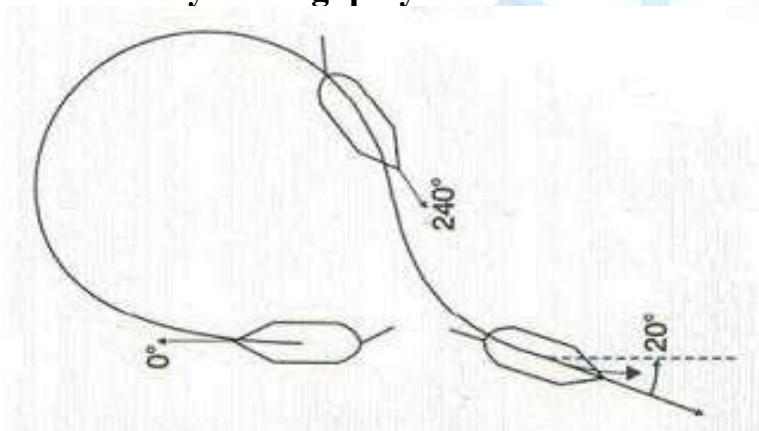
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

Câu 19. Đây là vòng quay trở nào?



- a. Vòng quay trở Scharnov
- b. Vòng quay trở Anderson**
- c. Vòng quay trở Williamson
- d. Không có đáp án nào đúng.

Câu 20. Đây là vòng quay trở nào?



- a. Vòng quay trở Scharnov**
- b. Vòng quay trở Anderson
- c. Vòng quay trở Williamson
- d. Không có đáp án nào đúng.

Câu 21. Khi bắt đầu thực hiện vòng quay trở Williamson, bánh lái được giữ hết lái đến khi:

- a. Tàu quay đến 90° so với hướng ban đầu
- b. Tàu quay đến 60° so với hướng ban đầu**
- c. Tàu quay đến 45° so với hướng ban đầu
- d. Tàu quay đến 120° so với hướng ban đầu

Câu 22. Khi một tàu lớn vào vùng nước nông với tốc độ lớn, hiện tượng gì sẽ xảy ra?

- a. Tốc độ tăng lên
- b. Mũi tàu sẽ nâng lên
- c. Khả năng điều động tăng lên
- d. Mũi tàu sẽ chịu ảnh hưởng của hiện tượng Squat nhiều hơn lái tàu**

Câu 23. Hầu hết các tàu khi thả trôi tại khu vực nước lặng không có dòng chảy, tàu như thế nào so với hướng gió?

- a. Mũi xuôi gió
- b. Quay ngang gió**
- c. Mũi ngược gió
- d. Gió vát đuôi tàu

Câu 24. Điều động tàu cập cầu, điều kiện thích hợp nhất khi gió và dòng chảy

- a. Xuôi hướng tàu chạy
- b. Vát hướng mũi tàu chạy
- c. Song song hướng cầu tàu theo hướng từ mũi đến lái tàu**
- d. Vuông góc với cầu tàu

Câu 25. Nhận định nào sau đây đúng về chân vịt mạn?

- a. Tạo ra chuyển động dạt ngang không ảnh hưởng đến chuyển động tới của tàu.
- b. Hiệu quả khi tốc độ tàu dưới 6kts**
- c. Được sử dụng để giảm tốc độ tàu
- d. Cho phép giữ tàu đứng yên ở vị trí khi có dòng chảy từ sau lái

Câu 26. Tàu có chân vịt chiều phải có thuận lợi hơn khi cập cầu trong điều kiện nào?

- a. Cập cầu mạn phải
- b. Cập cầu mạn trái**
- c. Cập cầu cả hai bên mạn như nhau
- d. Lái về phía cầu tàu

Câu 27. Tàu cập phao mạn trái với tốc độ 3 kts khi thời tiết tốt, gió thổi vát mũi phải của tàu. Trước khi cập phao, có thể giữ yên mũi tàu bằng cách nào?

- a. Lùi hết máy
- b. Dừng máy
- c. Bỏ hết lái phải
- d. Kích máy, cho máy chạy tới và bỏ lái về phía mạn phải của tàu**

Câu 28. Chiều dài 1 đường lẩn neo là bao nhiêu?

- a. 30m
- b. 27.5m**

- c. 25m
- d. 17.5m

Câu 29. Biện pháp nào sau đây cần được thực hiện để đảm bảo an toàn khi một tàu chạy qua tàu khác đang buộc cầu?

- a. Giảm tốc độ khi đi qua tàu đang buộc cầu
- b. Không chạy quá gần tàu đang buộc cầu
- c. Tàu đang buộc cầu cần đảm bảo dây buộc tàu được điều chỉnh không quá căng, không quá trùng
- d. Tất cả các biện pháp nêu trên**

Câu 30. Điều động tàu rời cầu khi có gió thổi từ mũi về lái, hành động cần thực hiện để rời cầu đảm bảo an toàn?

- a. Tháo toàn bộ dây mũi và quay mũi tàu ra ngoài
- b. Tháo bỏ các dây và chỉ giữ dây chéo lái**
- c. Giữ dây chéo lái và chéo mũi, tháo các dây còn lại phía sau lái
- d. Tháo toàn bộ dây lái và quay mũi tàu ra ngoài

Câu 31. Radar hàng hải thường sử dụng những loại dải sóng radar nào?

- a. X-band, S-band**
- b. X-band, C-band
- c. C-band, S-band
- d. K-band, S-band

Câu 32. Anten radar làm nhiệm vụ gì ?

- a. Anten làm nhiệm vụ bức xạ sóng radar vào không gian theo một khe hẹp
- b. Anten radar thu sóng phản xạ về từ các mục tiêu
- c. Anten có nhiệm vụ tạo ra các xung dao động siêu cao tần, có chiều dài xung và chu kỳ lặp xung nhất định và đảm bảo công suất đủ lớn để bức xạ vào không gian
- d. Anten radar làm nhiệm vụ bức xạ sóng radar vào không gian theo một khe hẹp và thu sóng phản xạ trở về từ các mục tiêu.**

Câu 33. Ảnh ảo do phản xạ nhiều lần trên màn ảnh radar có đặc điểm là

- a. Các ảnh ảo đều nằm trên cùng một hướng với ảnh thật và giãn cách bằng nhau, bằng khoảng cách giữa tàu ta và ảnh thật. Các ảnh ảo càng xa thì cường độ càng yếu dần.**
- b. Các ảnh ảo có khoảng cách tới tâm màn ảnh bằng với ảnh thật và đối xứng nhau qua ảnh thật, các ảnh ảo càng xa ảnh thật thì càng rõ nét.
- c. Các ảnh ảo đều nằm trên cùng một hướng với ảnh thật và khoảng giãn cách không bằng nhau. Các ảnh ảo càng xa thì cường độ càng yếu dần.
- d. Có khoảng cách tới tâm màn ảnh bằng với ảnh thật và đối xứng nhau qua ảnh thật, các ảnh ảo càng xa ảnh thật thì cường độ càng yếu dần.

Câu 34. Để tăng khả năng phân biệt ảnh theo khoảng cách trong radar, sỹ quan hàng hải phải

- a. Tăng chiều dài xung phát
- b. Giảm chiều dài xung phát**
- c. Giảm góc mở ngang của búp phát anten
- d. Tăng góc mở ngang của búp phát anten

Câu 35. Phương pháp điều chỉnh nút điều hướng (Tune) trên Radar thực hiện như thế nào?

- a. Tăng dần nút điều hướng (Tune) cho hình ảnh mục tiêu rõ nét nhất
- b. Chỉnh nút điều hướng (Tune) về vị trí giữa
- c. Tăng dần nút điều hướng (Tune) cho thanh Tuning bar trên màn hình đạt giá trị lớn nhất**
- d. Chỉnh nút điều hướng (Tune) về giá trị lớn nhất

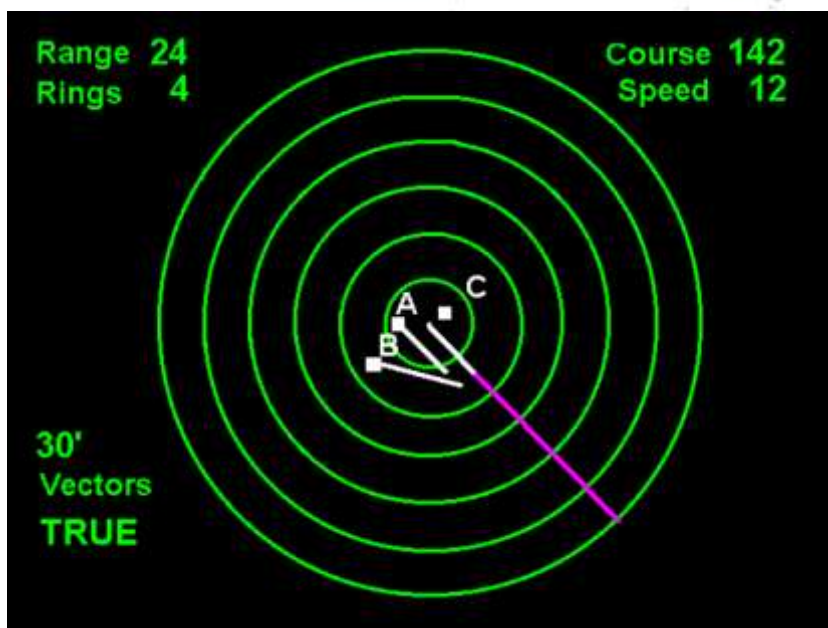
Câu 36. Tên gọi khác của nút khử nhiễu biển ANTI-SEA CLUTTER trên Radar là gì?

- a. S.T.C**
- b. F.T.C
- c. Gain
- d. Tune

Câu 37. Tên gọi khác của nút khử nhiễu mưa ANTI-RAIN CLUTTER trên Radar là gì?

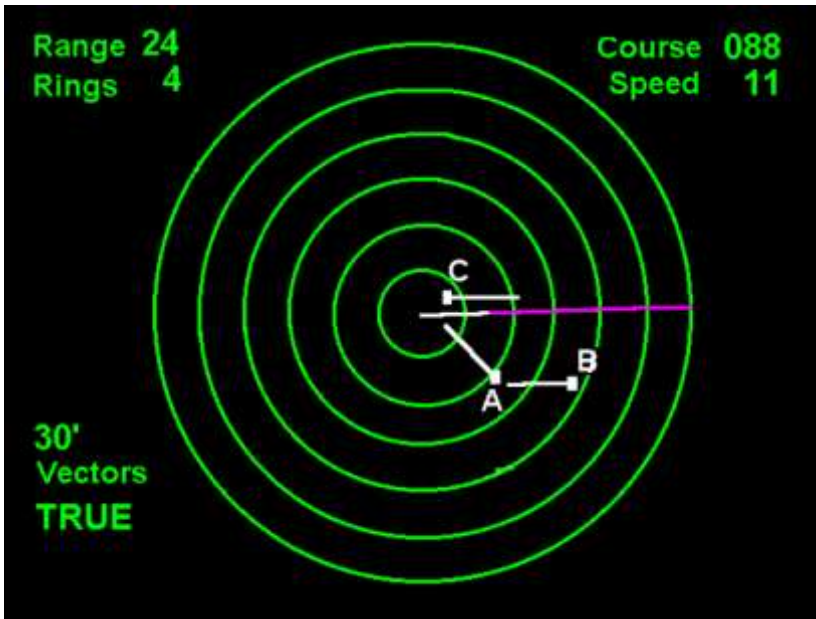
- a. S.T.C
- b. R.T.C**
- c. Gain
- d. Tune

Câu 38. Khoảng cách tàu chủ đến mục tiêu A?



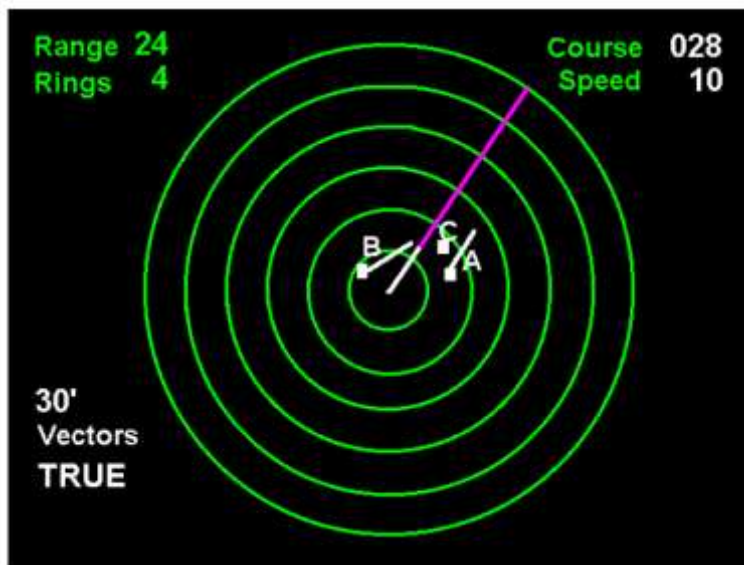
- a. *Khoảng 3-4 hải lý*
- b. Khoảng 4-5 hải lý
- c. Khoảng 1-2 hải lý.
- d. Khoảng 6-7 hải lý

Câu 39. Khoảng cách tàu chủ đến mục tiêu A?



- a. Khoảng 3-4 hải lý
- b. Khoảng 11-12 hải lý
- c. Khoảng 6-7 hải lý
- d. *Khoảng 8-9 hải lý*

Câu 40. Mục tiêu nào sau đây có CPA nhỏ nhất?



- a. Mục tiêu A
- b. *Mục tiêu B*

c. Mục tiêu C



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

d. Cả 3 mục tiêu có giá trị CPA như nhau

Câu 41. Theo nguyên lý của máy đo sâu hàng hải, độ sâu đo được là giá trị nào?

- a. Khoảng cách từ ki tàu đến đáy biển
- b. Khoảng cách từ màn thu phát đến đáy biển**
- c. Khoảng cách từ mặt nước đến đáy biển
- d. Khoảng cách từ mặt boong đến đáy biển

Câu 42. Chức năng hiển thị chính của máy đo sâu hàng hải?

- a. Chức năng hiển thị phải chính xác**
- b. Chức năng chế độ chờ
- c. Chức năng không ghi lại được độ sâu
- d. Chức năng hiển thị gây ảnh hưởng đến chế độ hoạt động chính của thiết bị

Câu 43. Yếu tố nào không gây ra sai số của vị trí tàu xác định bằng máy thu GPS?

- a. Sai số của đồng hồ vệ tinh
- b. Sai số quỹ đạo vệ tinh
- c. Độ trễ tầng điện ly
- d. Sai số của tốc độ tàu**

Câu 44. Chế độ báo động nào bắt buộc phải có trên máy thu GPS?

- a. Khoảng cách từ ki tàu đến đáy biển
- b. Báo động mất vị trí**
- c. Báo động lệch hướng
- d. Báo động trục neo

Câu 45. Khi GPS cảnh báo mất vị trí xác định

- a. Chữ N/S hoặc W/E sẽ nhấp nháy**
- b. Kinh độ hoặc vĩ độ sẽ nhấp nháy
- c. Chữ D sẽ nhấp nháy
- d. Cả màn hình sẽ nhấp nháy

Câu 46. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển, phương tiện thuyền đi trong luồng hẹp hay kênh đào, nếu điều kiện thực tế cho phép và đảm bảo an toàn

- a. Phải bám mép phải của luồng hay kênh**
- b. Phải bám mép trái của luồng hay kênh
- c. Đi ở giữa luồng hay kênh
- d. Đi về phía nào của được

Câu 47. Khi tàu mất khả năng điều động, ban ngày treo 2 dấu hiệu hình cầu đặt theo chiều thẳng đứng ở nơi có thể nhìn thấy rõ nhất. Về ban đêm phải trưng

- a. Hai đèn đỏ chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng
- b. Ba đèn đỏ chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng
- c. Hai đèn chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng, đèn trên màu đỏ và đèn dưới màu trắng
- d. Ba đèn chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng, đèn trên và dưới màu đỏ, đèn giữa màu trắng.

Câu 48. Khi tàu mất khả năng điều động, ban ngày treo 3 dấu hiệu (trên và dưới hình cầu, ở giữa hình thoi) đặt theo chiều thẳng đứng ở nơi có thể nhìn thấy rõ nhất. Về ban đêm phải trưng

- a. Hai đèn đỏ chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng
- b. Bốn đèn đỏ chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng
- c. Hai đèn chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng, đèn trên màu đỏ và đèn dưới màu trắng
- d. Ba đèn chiếu sáng khắp 4 phía theo chiều thẳng đứng, đèn trên và dưới màu đỏ, đèn giữa màu trắng.

Câu 49. Tàu treo ba hình cầu màu đen tạo thành hình tam giác ở đỉnh cột mũi và một hình cầu màu đen cũng ở phía mũi. Tín hiệu này có nghĩa gì?

- a. Tàu đang thực hiện hoạt động rà phá thủy lôi và đang neo
- b. Tàu đang nạo vét với chiều dài dụng cụ kéo dài hơn 150 m về phía hình cầu đen.
- c. Tàu đang có hoạt động dưới nước.
- d. Tàu đang hiệu chỉnh la bàn.

Câu 50. Một tàu đang treo ba đèn xanh tạo thành hình tam giác ở đỉnh cột mũi, cùng với một đèn trắng phía mũi. Tín hiệu này có ý nghĩa gì?

- a. Tàu đang rà phá thủy lôi và đang neo
- b. Tàu đang nạo vét với thiết bị kéo dài hơn 150 mét về phía hình cầu màu đen.
- c. Tàu đang thực hiện công việc dưới nước
- d. Tàu đang hiệu chỉnh la bàn

Câu 51. Trong điều kiện tầm nhìn xa hạn chế, tàu thuyền máy đang còn trơn phải phát tín hiệu như thế nào?

- a. Cứ cách không quá hai phút phải phát một tiếng còi dài.
- b. Cứ cách không quá hai phút phải phát hai tiếng còi dài.
- c. Cứ cách không quá hai phút phải phát một tiếng dài và hai hồi ngắn.
- d. Cứ cách không quá hai phút phải phát bốn tiếng còi ngắn.

Câu 52. Khi nhìn thấy một tàu đang trưng cờ hiệu quốc tế chữ A. Tín hiệu này có ý nghĩa gì?

- a. Tàu bị hỏng máy và đang gọi cứu trợ
- b. Tàu đang thực hiện hoạt động lặn**
- c. Tàu đang có hoa tiêu trên tàu
- d. Không có ý nghĩa cụ thể nào theo Quy tắc này

Câu 53. Trong điều kiện tầm nhìn xa hạn chế, tàu thuyền máy đang hành trình, nhưng đã dừng máy và hết trớn phải phát tín hiệu như thế nào?

- a. Cứ không quá hai phút phải phát một tiếng còi dài.
- b. Cứ không quá hai phút phải phát hai tiếng còi dài liên tiếp, tiếng này cách tiếng kia chừng 2 giây.**
- c. Cứ không quá hai phút phải phát một tiếng dài và hai hồi ngắn.
- d. Cứ không quá hai phút phải phát bốn tiếng còi ngắn.

Câu 54. Khi nhìn thấy một tàu đang trưng hai hình nón đen châu đỉnh vào nhau. Tín hiệu ban ngày này cho biết điều gì?

- a. Đó là tàu tiến hành hoạt động dưới nước.
- b. Đó là một tàu chỉ tham gia hoạt động kéo lưới.
- c. Đó là một tàu tham gia hoạt động đánh bắt cá, nhưng không phải hình thức kéo lưới.
- d. Đó là một tàu tham gia bất kỳ loại hình đánh bắt cá nào.**

Câu 55. Khi nhìn thấy một tàu đang trưng hai đèn trắng theo chiều thẳng đứng. Tín hiệu ban đêm này cho biết điều gì?

- a. Đó là một tàu thuyền máy đang lai kéo, với chiều dài đoàn lai không vượt quá 200 mét.**
- b. Đó là một tàu hoa tiêu đang thực hiện nhiệm vụ hoa tiêu.
- c. Đó là một phương tiện cao tốc.
- d. Đó là một tàu đệm khí hoạt động ở chế độ không lượng giãn nước.

Câu 56. Khi nhìn thấy một tàu đang trưng ba đèn trắng theo chiều thẳng đứng. Tín hiệu ban đêm này cho biết điều gì?

- a. Đó là một tàu thuyền máy đang lai kéo, với chiều dài đoàn lai vượt quá 200 mét.**
- b. Đó là một tàu hoa tiêu đang thực hiện nhiệm vụ hoa tiêu.
- c. Đó là một phương tiện cao tốc.
- d. Đó là một tàu đệm khí hoạt động ở chế độ không lượng giãn nước

Câu 57. Quy tắc định nghĩa rõ ràng thuật ngữ "đang hành trình". Tàu nào sau đây sẽ không được coi là "đang hành trình"?

- a. Tàu đang neo đậu.**
- b. Tàu thuyền máy dừng trên nước.
- c. Tàu hỏng máy và mất khả năng điều động.
- d. Một tàu dừng lại và đón hoa tiêu.

Câu 58. Khi đi đối hướng, tầm nhìn xa bằng mắt thường khoảng một hải lý có phương tiện đi ra từ sương mù, cần thực hiện hành động nào?

- a. Duy trì hướng đi và tốc độ của bạn.
- b. Đối hướng đi sang phải và tiếp tục phát tín hiệu sương mù, nhưng không phát một tiếng còi ngắn vì tín hiệu này chỉ dành cho tầm nhìn tốt.
- c. Dừng tàu của bạn và đổi tín hiệu sương mù thành hai tiếng còi dài cứ hai phút một lần cho đến khi tàu kia đi qua.
- d. Phát một tiếng còi ngắn và thực hiện một sự thay đổi hướng đi dứt khoát sang phải.**

Câu 59. Khi nhìn thấy hai tàu đi gần nhau và cả hai đều trưng một hình thoi đen ở phần trước của mỗi tàu. Tín hiệu ban ngày này cho biết điều gì?

- a. Một tàu đang lai kéo tàu kia và chiều dài đoàn lai hơn 200 mét.**
- b. Cả hai tàu đều đang kéo một tàu hoặc phương tiện khác, với chiều dài đoàn lai trong cả hai trường hợp đều dưới 200 mét.
- c. Một tàu đang kéo tàu kia.
- d. Các tàu đang kéo lưới cùng nhau như một đơn vị.

Câu 60. Tín hiệu ban ngày của một tàu bị mắc cạn là gì?

- a. Ba hình cầu đen theo chiều thẳng đứng, ở vị trí dễ thấy nhất.**
- b. Hai hình cầu đen theo chiều thẳng đứng, ở vị trí dễ thấy nhất và thêm một quả cầu neo ở phía trước.
- c. Hình trụ đen ở vị trí dễ thấy nhất.
- d. Đèn neo cho một tàu có kích thước tương ứng và thêm hai đèn đỏ chiếu sáng khắp bốn phía, ở vị trí dễ thấy nhất.

Câu 61. Tín hiệu sương mù cho một tàu thuyền máy đang đẩy một tàu thuyền khác phía trước, nhưng không thành một khối vững chắc là gì?

- a. Cứ hai phút phát hai tiếng còi ngắn sau đó là một tiếng còi dài.
- b. Cứ hai phút phát một tiếng còi dài.
- c. Cứ hai phút phát hai tiếng còi ngắn và một tiếng còi dài.
- d. Cứ hai phút phát một tiếng còi dài sau đó là hai tiếng còi ngắn.**

Câu 62. Khi trực ca trên một tàu thuyền máy đang hành trình trong sương mù, khi nghe thấy tín hiệu sương mù của một tàu thuyền máy khác ở đâu đó phía trước. Các tín hiệu dường như đang đến gần hơn, nhưng không có gì được phát hiện trên radar. Nên hành động như thế nào theo nghĩa của các quy tắc này?

- a. Giảm tốc độ xuống tốc độ thấp nhất mà tàu có thể lái và nếu cần thiết, dừng hẳn tàu và hành trình với sự thận trọng cao độ.**
- b. Giảm tốc độ và hành trình thận trọng.

- c. Giảm tốc độ, quan sát cẩn thận và đổi tín hiệu sương mù thành hai tiếng còi dài.
- d. Dừng tàu và phát một tiếng còi dài sau đó là hai tiếng còi ngắn.

Câu 63. Một tàu thuyền máy đang hành trình trong điều kiện tầm nhìn xa bị hạn chế thấy một tàu đang tiến đến tàu của bạn từ mạn trái có nguy cơ va chạm. Hành động nào là phù hợp nhất?

- a. Giảm nhẹ tốc độ để cho phép tàu kia đi qua phía trước.
- b. Duy trì hướng đi và tốc độ của bạn với tư cách là “tàu được nhường đường”.
- c. Thực hiện thay đổi hướng đi sớm và dứt khoát sang trái.
- d. Thực hiện thay đổi hướng đi sớm và dứt khoát sang phải.**


Câu 64. Một tàu thuyền máy đang hành trình trong luồng hẹp và nghe thấy hai tiếng còi dài, sau đó là một tiếng còi ngắn. Nếu bạn cảm thấy nghi ngờ về sự an toàn nên phát tín hiệu gì?



- a. Năm tiếng còi ngắn và nhanh**
- b. Một tiếng còi ngắn.
- c. Một tiếng còi dài.
- d. Một tiếng còi dài, một tiếng còi ngắn, một tiếng còi dài và một tiếng còi ngắn.

Câu 65. Tàu thuyền máy A đang đến gần khu vực sương mù nghe thấy rõ phía một tiếng còi dài ở góc mạn phải 22.5° . Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), tàu A nên:

- a. Phát 1 tiếng còi dài và máy ở chế độ sẵn sàng điều động
- b. Giảm tốc độ xuống thấp nhất, phát 1 tiếng còi dài và điều động cẩn trọng**
- c. Giảm tốc độ vừa phải và phát đi 1 tiếng còi dài
- d. Phát 1 tiếng còi dài và bẻ hết lái sang phải

Câu 66. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), đèn trắng như minh họa phải được lắp đặt sao cho chiếu sáng không gián đoạn trong một cung chân trời

 white

 green  red

- a. $112^{\circ}5$
- b. 135°
- c. 225°**
- d. 360°

Câu 67. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), các đèn như minh họa biểu thị

white

green

- a. Một tàu đang kéo sà lan.
- b. Một tàu máy đang hành trình, có chiều dài trên 50 mét.
- c. Một tàu máy đang hành trình, có chiều dài dưới 50 mét.**
- d. Một tàu nạo vét, chỉ ra mạn an toàn.

Câu 68. Các đèn dưới đây có thể biểu thị

white

white

green red

- a. Một tàu máy đang hành trình.
- b. Một tàu máy đang hành trình khi kéo và chiều dài dây kéo không vượt quá 200 mét, chiều dài tàu kéo nhỏ hơn 50m.
- c. Một tổ hợp tàu đẩy và tàu được đẩy phía trước, hoạt động như một đơn vị thống nhất.
- d. Tất cả các tàu kể trên.**

Câu 69. Các đèn sau biểu thị

green

white

red

- a. Một tàu dài dưới 50 mét đang đánh bắt kéo rê dưới nước.**
- b. Một tàu đang đánh bắt kéo rê khi đang neo.
- c. Một tàu dài trên 50 mét đang đánh bắt kéo rê.

- d. Một tàu đang đánh bắt kéo rê có thiết bị đánh bắt vươn ra ngoài mạn tàu quá 150 mét về phía biển..

Câu 70. Trên vùng biển thoáng, tàu máy ‘A’ phát hiện các đèn sau ngay trước mũi tàu ở cự ly trung bình báo hiệu

- white
- white
- white

green ● ● red

- a. Tàu ‘A’ phải tránh tàu kia, tàu kia phải giữ nguyên hướng và tốc độ.
- b. Tàu ‘A’ phải giảm tốc và chờ tàu kia chỉ thị bên tránh.
- c. Cả hai tàu nên bẻ lái sang phải và phát một hồi còi ngắn.**
- d. Tàu ‘A’ nên giảm tốc hoặc dừng lại và chờ tàu kia đi qua.

Câu 71: Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), tàu được minh họa khi ở trong sương mù có thể phát tín hiệu



- a. Một hồi dài tiếp theo hai hồi ngắn bằng còi hơi;
- b. Gõ bốn tiếng chuông theo kiểu “bốn chuông” để báo giờ;
- c. Mỗi hai phút phát năm tiếng chuông nhanh (trong 5s);**
- d. Rung chuông nhanh và phát thêm ba hồi còi riêng biệt.

Câu 72. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), tín hiệu trong sương mù của tàu mắc cạn trong luồng có thể là

- a. Ba hồi còi riêng biệt, sau đó là rung chuông nhanh.
- b. Rung chuông nhanh kèm theo ba tiếng chuông riêng biệt ngay trước và sau khi rung.**
- c. Gõ bốn tiếng chuông như báo giờ “bốn chuông”.
- d. Một hồi còi kéo dài từ ba đến năm giây bằng còi hơi.
- e.

Câu 73. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), các đèn được minh họa cho biết

- white
- white
- red
- white
- red

red

red

- a. Kéo một tàu theo sau, chiều dài đoàn lai vượt quá 200 mét.
- b. Lai áp mạn một tàu.
- c. Kéo nhiều tàu theo sau.

d. Là tàu kéo, chiều dài đoàn lai dưới 200 mét và hạn chế khả năng điều động.

Câu 74. Một tàu máy tiến đến tàu bạn từ góc mạn trái 45° ở khoảng cách 5 hải lý, phương vị không thay đổi. Hành động ban đầu nên thực hiện là gì?

- a. Có nguy cơ xảy ra tình huống áp sát, nhưng tàu kia là tàu “nhường đường”, nên tôi sẽ giữ nguyên tốc độ và hướng đi, nhưng theo dõi sát tình huống.
- b. Có nguy cơ xảy ra áp sát, nhưng tôi là tàu “nhường đường”, nên tôi phải tránh xa tàu kia.
- c. Không có nguy cơ áp sát, nên tôi sẽ giữ nguyên tốc độ và hướng đi.
- d. Có nguy cơ xảy ra áp sát, do đó cả hai tàu nên nhường đường cho nhau.

Câu 75. Tàu trưng một đèn trắng ở phía mũi vào ban đêm. Tín hiệu này có nghĩa gì?

- a. Tàu đặt cáp.
- b. Tàu đang neo, chiều dài dưới 50 mét.
- c. Tàu mắc cạn, chiều dài dưới 100 mét.
- d. Tàu đang hành trình nhưng không còn trớn.

Câu 76. Một tàu đang treo hai hình nón đen, chớp hướng vào nhau và một hình nón chớp hướng lên một bên mạn tàu. Tín hiệu ban ngày này có ý nghĩa gì?

- a. Đó là một tàu đang đánh cá (không phải kéo lưới rê) với ngư cụ vươn ra quá 150 mét theo phương ngang tính từ tàu.
- b. Đó là một tàu đang đánh cá (không phải kéo lưới rê) với ngư cụ vươn ra quá 100 mét theo phương ngang tính từ tàu.
- c. Đó là một tàu đang kéo lưới vét với ngư cụ vươn ra hơn 100 mét.
- d. Đó là một tàu đang kéo lưới vét với ngư cụ vươn ra dưới 100 mét.

Câu 77. Một tàu khác được phát hiện đang đi đối hướng trực diện. Sĩ quan trực ca kỳ vọng tàu kia sẽ thực hiện hành động gì?

a. Tàu kia sẽ chuyển hướng sang phải.



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

- b. Tàu kia sẽ chuyển hướng sang trái.
- c. Tàu kia sẽ giữ nguyên hướng đi và tốc độ.
- d. Tàu kia sẽ giảm tốc độ.

Câu 78. Là sỹ quan trực ca, bạn phát hiện một tàu máy khác ở mạn trái đang tiếp cận tàu bạn trên hướng sẽ va chạm. Theo Quy tắc, trách nhiệm ban đầu đúng là gì?

- a. Tàu bạn có nghĩa vụ tránh tàu kia, vì vậy bạn chuyển hướng sang phải.
- b. Tàu bạn nên giữ nguyên hướng và tốc độ.**
- c. Tàu bạn có nghĩa vụ tránh tàu kia, vì vậy bạn chuyển hướng sang trái.
- d. Tàu bạn có nghĩa vụ tránh tàu kia, vì vậy bạn phải giảm tốc độ và để tàu kia đi qua trước mũi.

Câu 79. Trong trường hợp nào thì một tàu được xem là đang vượt tàu khác theo quy định của Luật?

- a. Một tàu được coi là đang vượt khi tiếp cận tàu khác từ phía lớn hơn $22,5^\circ$ sau trục chính ngang của tàu kia, hoặc nếu không chắc chắn thì phải coi là đang vượt.**
- b. Khi bạn chạy nhanh hơn tàu kia.
- c. Khi bạn vượt tàu kia từ phía lớn hơn 20° so với trục chính ngang.
- d. Khi bạn vượt tàu kia từ phía sau trục chính ngang.

Câu 80. Khi trực ca trên tàu gặp một tàu khác trong điều kiện tầm nhìn rõ ràng, đang hành trình trên hướng sẽ va chạm và tàu bạn là tàu “nhường đường”. Theo Quy tắc, hành động nên thực hiện để tránh tình huống nguy hiểm là gì?

- a. Bạn nên hành động sớm và dứt khoát để giữ khoảng cách an toàn.**
- b. Bạn hành động tùy theo tình huống để tránh va chạm.
- c. Bạn nên phát một tiếng còi ngắn và đổi hướng sang phải.
- d. Bạn nên đổi hướng sang trái và phát hai tiếng còi ngắn theo Quy tắc.

Câu 81. Khi trực ca, tàu bạn đang đi trong sương mù và nghe thấy cú hai phút phát một hồi còi dài từ phía trước và qua ARPA xác định có nguy cơ va chạm gần. Hành động tốt nhất là gì?

- a. Giảm tốc độ về tốc độ tối thiểu tàu có thể ăn lái, điều khiển tàu cực kỳ thận trọng và sẵn sàng dừng máy.
- b. Thực hiện hành động tránh va sớm, tránh đổi hướng sang trái.**
- c. Đổi hướng sang phải 15° .
- d. Thực hiện một loạt thay đổi hướng nhỏ sang phải.

Câu 82. Là sỹ quan trực ca, tàu bạn đang đi trong điều kiện tầm nhìn xa kém, phát hiện mục tiêu trên radar đang đi trên hướng sẽ va chạm. Hành động phù

hợp theo Quy tắc là gì?



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM**
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

- a. Tránh đổi hướng về phía tàu kia khi tàu kia ở ngay trực chính ngang hoặc sau trực chính ngang của tàu mình.
- b. Tránh đổi hướng sang trái khi tàu kia đang ở phía trước trực chính ngang, và không phải là tàu thuyền đang bị vượt.
- c. Hành động kịp thời và tránh thay đổi hướng nhỏ liên tiếp.

(d.) Tất cả các phương án trên

Câu 83. Là Sĩ quan trực ca trên buồng lái trong điều kiện tầm nhìn xa kém và phát hiện một tàu trên radar đang đến từ mạn trái, có khả năng xảy ra va chạm gần. Hành động phù hợp nhất theo Quy tắc là gì?

- a. Giảm tốc độ nhẹ để tàu kia đi qua phía trước.
- b. Giữ nguyên hướng và tốc độ vì là tàu được nhường.
- c. Đổi hướng sớm và dứt khoát sang trái.

(d.) Đổi hướng sớm và dứt khoát sang phải.

Câu 84. Một tàu máy được phát hiện đang tiến đến tàu bạn từ góc mạn trái 45° , và phương vị không thay đổi, tàu đó đang đến gần hơn và dường như không có hành động gì. Bạn đã phát năm hoặc nhiều hơn năm tiếng còi ngắn và nhanh, nhưng tàu đó vẫn dường như không có hành động gì. Với tư cách là tàu được nhường đường, bạn có thể hành động theo quy tắc trong tình huống này không?

- (a.) Tàu của bạn có thể tự điều động để tránh đâm va, ngay khi bạn nhận thấy rõ ràng tàu phải nhường đường không có hành động thích hợp.**
- b. Bạn phải có hành động dứt khoát bằng cách đổi hướng sang trái và phát hai tiếng còi ngắn.
- c. Bạn phải có hành động dứt khoát và phát một tiếng còi ngắn và đổi hướng sang phải.
- d. Bạn phải có hành động dứt khoát và phát một tiếng còi ngắn và đổi hướng sang phải.

Câu 85. Một tàu thuyền máy được phát hiện đang tiến đến tàu bạn từ góc mạn trái 45° ở khoảng cách 2 hải lý và phương vị vẫn không thay đổi. Hành động đầu tiên bạn nên thực hiện là gì?

- (a.) Một tình huống áp sát quá gần đang phát triển và tàu kia không giữ khoảng cách an toàn, do đó tôi sẽ phát ít nhất 5 tiếng còi ngắn và nhanh để bày tỏ sự lo ngại của mình và theo dõi tình hình.**
- b. Một tình huống áp sát quá gần đang phát triển, nhưng tôi là tàu phải nhường đường và do đó tôi phải giữ khoảng cách an toàn với tàu kia.
- c. Một tình huống áp sát quá gần đang phát triển và tàu kia là tàu phải tránh đường, do đó tôi nên duy trì tốc độ và hướng đi.
- d. Một tình huống áp sát quá gần đang phát triển và theo Quy tắc, cả hai tàu nên nhường đường cho nhau.

Câu 86. Một tàu được nhìn thấy đang trưng hai quả cầu đen ở một bên mạn; hai hình thoi đen ở phía bên mạn kia của tàu và ba dấu hiệu theo chiều thẳng

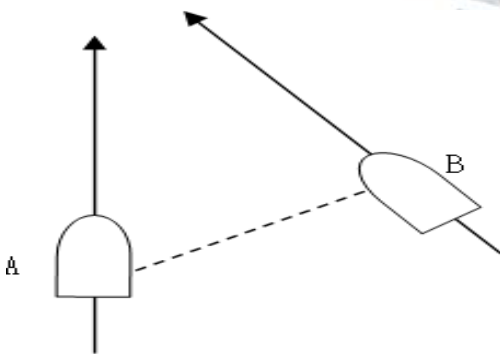
đứng, quả cầu đen trên và dưới và hình thoi ở giữa. Phía nào là phía an toàn để vượt qua tàu này?

- a. *Phía hai hình thoi là phía an toàn để vượt qua.*
- b. Phía hai quả cầu đen là phía an toàn để vượt qua.
- c. Các tàu khác nên giữ khoảng cách an toàn ở cả hai bên, và tránh vượt qua trong phạm vi 100 mét của tàu kia.
- d. Không quan trọng vượt qua ở phía nào miễn là thực hiện với tốc độ chậm và an toàn.

Câu 87. Tín hiệu sương mù cho một tàu thuyền máy đang kéo một tàu khác là gì?

- a. Cứ mỗi hai phút phát hai tiếng còi ngắn sau đó là một tiếng còi dài.
- b. Cứ mỗi hai phút phát một tiếng còi dài.
- c. Cứ mỗi phút phát hai tiếng còi ngắn và một tiếng còi dài.
- d. *Cứ mỗi hai phút phát một tiếng còi dài sau đó là hai tiếng còi ngắn.*

Câu 88. Tàu 'A' phát hiện tàu 'B' ở phía sau trực chính ngang mạn phải. Một thời gian sau, tàu 'B' chuyển lên ở phía trước trực chính ngang mạn phải như hình minh họa. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), tình huống này thuộc quy tắc



- a. Hai tàu máy cắt nhau
- b. *Tàu vượt*
- c. Hai tàu máy gặp nhau.
- d. Trường hợp đặc biệt.

Câu 89. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), một “chớp ngắn” có thời lượng khoảng

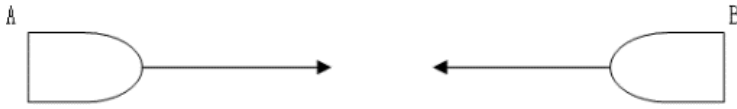
- a. *Một giây*
- b. Hai giây
- c. Ba giây
- d. Bốn đến sáu giây

Câu 90. Trường hợp hai tàu máy 'A' và 'B' đang thấy nhau bằng mắt thường,

phát biểu nào sau đây là đúng?

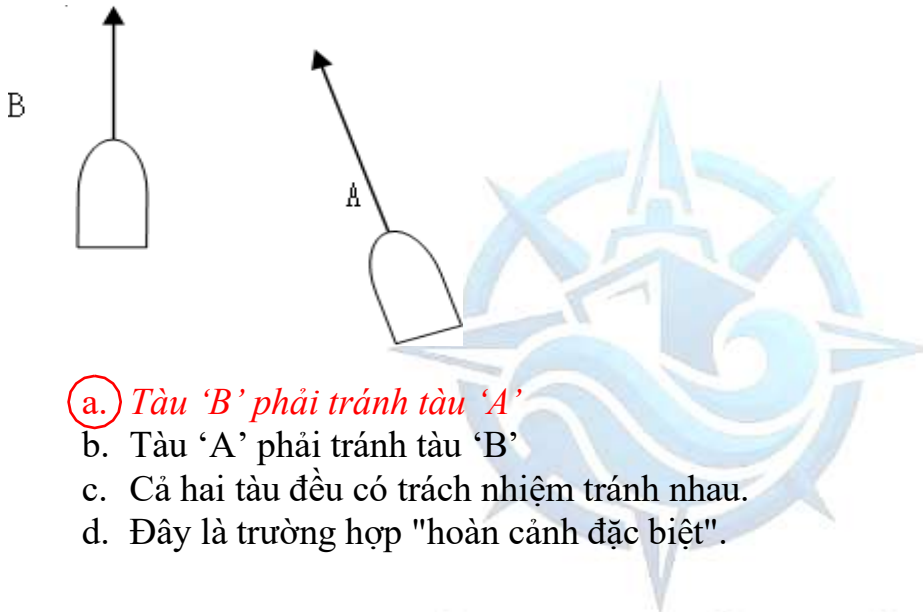


**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM**
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG



- a. *Cả hai tàu phải chuyển hướng sang phải và phát một hồi còi ngắn*
 b. Cả hai tàu chuyển hướng sang phải nhưng không cần phát tín hiệu còi.
 c. Một trong hai tàu phát một hồi còi rồi chờ phản hồi trước khi chuyển hướng.
 d. Chỉ tàu 'A' phát một hồi còi và chuyển hướng sang phải..

Câu 91. Vào ban đêm, tàu máy 'A' đang tiếp cận tàu máy 'B' như hình minh họa. Thỉnh thoảng tàu 'A' thấy cả hai đèn cột và đèn mạn xanh của tàu 'B'. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs)

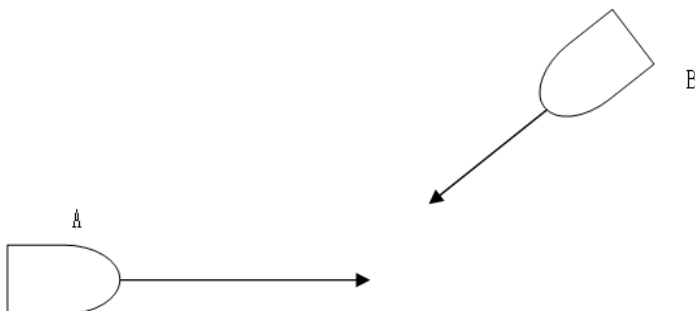


- a. *Tàu 'B' phải tránh tàu 'A'*
 b. Tàu 'A' phải tránh tàu 'B'
 c. Cả hai tàu đều có trách nhiệm tránh nhau.
 d. Đây là trường hợp "hoàn cảnh đặc biệt".

Câu 92. Tín hiệu điều động và cảnh báo trong Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), ba tiếng còi ngắn có nghĩa là

- a. *Tôi đang sử dụng máy lùi.*
 b. Tàu phát tín hiệu đang có trốn lùi trong nước.
 c. Máy tàu tôi đang chạy lùi.
 d. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 93. Tàu máy 'A' phát hiện tàu máy 'B' ở khoảng cách trung bình như hình minh họa. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), tàu 'A' phải



- a. *Giữ nguyên hướng và tốc độ, đồng thời quan sát kỹ phương vị la bàn của tàu (B).*
- b. Phát một tiếng còi ngắn và chuyển hướng sang phải.
- c. Nếu cần thiết, giảm tốc độ hoặc dừng lại.
- d. Giảm tốc độ và theo dõi phương vị la bàn của tàu 'B'.

Câu 94. Theo Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREGs), hai chóp có có ý nghĩa

- a. Tôi đổi hướng đi của tôi sang phải
- b. *Tôi đổi hướng đi của tôi sang trái*
- c. Máy của tôi đang lùì
- d. Tôi cần sự hỗ trợ khẩn cấp

Câu 95. Là Sĩ quan trực ca đang hành trình trong điều kiện tầm nhìn xa kém; bạn đã đề giải một mục tiêu trên màn hình radar và thấy đó là một tàu có khả năng đâm va. Những hành động khuyến nghị nào nên được thực hiện trong tình huống này?

- a. Tránh thay đổi hướng đi về phía một tàu nằm ở trục chính ngang hoặc sau trục chính ngang.
- b. Tránh thay đổi hướng sang trái đối với một tàu ở phía trước trục chính ngang, trừ khi đó là tàu đang bị vượt.
- c. Hành động kịp thời và tránh thay đổi lắt nhắt.
- d. *Tất cả các câu trả lời được gợi ý.*

Câu 96. Độ cao thủy triều:

- a. *Là khoảng cách thẳng đứng giữa số "0" hải đồ - Chart datum và mặt nước biển.*
- b. Là khoảng cách thẳng đứng giữa mực triều cao nhất và mực triều thấp nhất.
- c. Là khoảng cách thẳng đứng giữa số "0" hải đồ - Chart datum và đáy biển.
- d. Là khoảng cách thẳng đứng giữa mực nước và đáy biển

Câu 97. Triều cường xảy ra khi

- a. Vào đầu mùa xuân, khi Mặt trời gần xích đạo.
- b. Chỉ khi vị trí Mặt trời, Mặt trăng và Trái đất tương đối cùng nằm trên một đường thẳng, và Mặt trời và Mặt trăng cùng nằm cùng phía so với Trái đất.
- c. Khi Mặt trời và Mặt trăng tạo góc 90° so với Trái đất.
- d. *Khi vị trí Mặt trời, Mặt trăng và Trái đất tương đối cùng nằm trên một đường thẳng bất kể thứ tự.*

Câu 98. Triều kiệt xảy ra khi

- a. Vào đầu mùa xuân, khi Mặt trời gần xích đạo.
- b. Chỉ khi vị trí Mặt trời, Mặt trăng và Trái đất tương đối cùng nằm trên một đường thẳng, và Mặt trời và Mặt trăng cùng nằm cùng phía so với Trái đất.
- c. *Khi Mặt trời và Mặt trăng tạo góc 90° so với Trái đất.*

- d. Khi vị trí Mặt trời, Mặt trăng và Trái đất tương đối cùng nằm trên một đường thẳng bất kể thứ tự.

Câu 99. Trước khi điều động tàu tránh bão, thuyền trưởng cần biết

- a. *Đường di chuyển của bão*
b. Đi ngược với đường di chuyển của bão
c. Không quan tâm đến các tình trạng mây, màu sắc bầu trời
d. Không quan tâm đến hiện tượng khí áp

Câu 100. Trong trường hợp tàu có sự cố phải đưa vào cạn, cần lựa chọn các yếu tố nào?

- a. *Bãi biển phải bằng phẳng, nên lựa chọn đáy là bùn, không có đá*
b. Bãi biển có độ dốc lớn
c. Phạm vi quay trở không cần rộng
d. Nơi vào cạn phải thoáng gió

Câu 101. Trên hải đồ Mercator, 1 hải lý tương ứng

- a. 1 phút cung vĩ tuyến.
b. 1 độ cung vĩ tuyến.
 c. *1 phút cung kinh tuyến.*
d. 1 độ cung vĩ tuyến.

Câu 102. Độ dài 1 hải lý quốc tế bằng

- a. *1852m.*
b. 2852m.
c. 2582m.
d. 1582m.

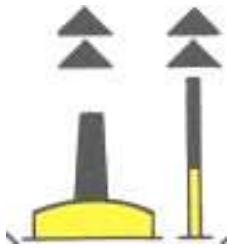
Câu 103. Số quan đo phương vị la bàn đến 1 hải đăng có giá trị là 086° . Để nâng cao độ chính xác vị trí tàu được xác định bằng 2 đường phương vị đồng thời, số quan cần lựa chọn mục tiêu thứ hai có phương vị là bao nhiêu độ?

- a. *0°*
b. 66°
c. 112°
d. 217°

Câu 104. Khi xác định vị trí tàu bằng 3 đường vị trí, giao giữa 3 đường vị trí là 1 tam giác. Vị trí thật của tàu

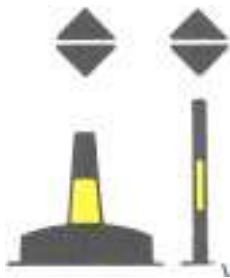
- a. Nằm ngoài tam giác.
b. Nằm trong tam giác.
 c. *Có thể nằm trong hoặc nằm ngoài tam giác.*
d. Là tâm của tam giác

Câu 105. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, đây là phao gì?



- a. *Phao chỉ hướng Bắc.*
- b. Phao chỉ hướng Nam.
- c. Phao chỉ hướng Đông.
- d. Phao chỉ hướng Tây.

Câu 106. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, đây là phao gì?



- a. Phao chỉ hướng Bắc.
- b. Phao chỉ hướng Nam.
- c. *Phao chỉ hướng Đông.*
- d. Phao chỉ hướng Tây.

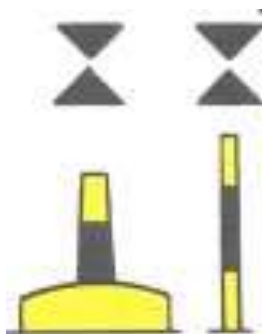


CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

Câu 107. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, đây là phao gì ?



- a. Phao chỉ hướng Bắc.
- b. Phao chỉ hướng Nam.
- c. Phao chỉ hướng Đông.
- d. *Phao chỉ hướng Tây.*

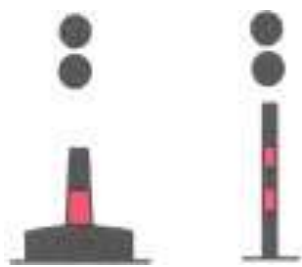
Câu 108. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, phao nào có tín hiệu ban đêm là nhóm sáu chớp ngắn và một chớp dài trắng liên tục Q(6)+LFI

- a. Phao chỉ hướng Bắc.
- b. Phao chỉ hướng Nam.**
- c. Phao chỉ hướng Đông.
- d. Phao chỉ hướng Tây.

Câu 109. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, phao nào có tín hiệu ban đêm là nhóm ba chớp ngắn liên tục Q(3)

- a. Phao chỉ hướng Bắc.
- b. Phao chỉ hướng Nam.
- c. Phao chỉ hướng Đông.**
- d. Phao chỉ hướng Tây.

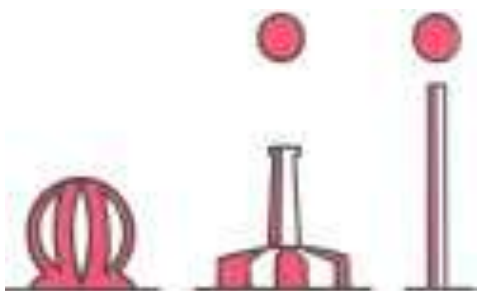
Câu 110. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, đây là phao nào?



- a. Phao an toàn.
- b. Phao đặc biệt.
- c. Phao độc lập nguy hiểm.**
- d. Phao chỉ hướng Bắc.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

Câu 111. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, đây là phao nào ?



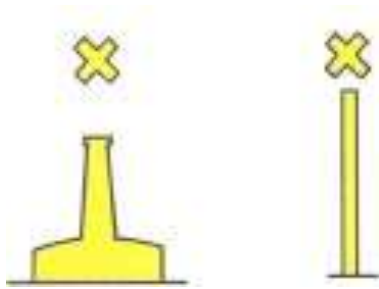
- a. Phao an toàn.**
- b. Phao đặc biệt.
- c. Phao độc lập nguy hiểm.

d. Phao chỉ hướng Bắc.



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

Câu 112. Trong hệ thống phao tiêu hàng hải IALA, đây là phao nào?



- a. Phao an toàn.
- b. Phao đặc biệt.**
- c. Phao độc lập nguy hiểm.
- d. Phao chỉ hướng Bắc.

Câu 113. Khoảng cách trên hải đồ Mercator tính từ xích đạo đến vĩ tuyến tương ứng là

- a. Vĩ độ tiến**
- b. Vĩ độ quy tụ
- c. Vĩ độ chuẩn
- d. Vĩ độ địa dư

Câu 114. Đường hằng hướng (Loxo) trên hải đồ Mercator có đặc điểm

- a. Là đường hypecbole.
- b. Là đường cong có bề lồi quay về xích đạo.
- c. Là đường cong có bề lõm quay về xích đạo.
- d. Là đường thẳng.**

Câu 115. Cung vòng lớn (Octo) trên hải đồ Mercator có đặc điểm

- a. Là đường hypecbole.
- b. Là đường cong có bề lồi quay về xích đạo.
- c. Là đường cong có bề lõm quay về xích đạo.**
- d. Là đường thẳng.

Câu 116. Phương pháp xác định vị trí tàu bằng mục tiêu địa văn, thực tế tiến hành để hạn chế sai số hình học phải áp dụng biện pháp nào sau đây?

- a. Mục tiêu gần chính ngang đo trước, gần mũi lái đo sau.
- b. Chọn mục tiêu để góc kẹp giữa các đường vị trí từ 30^0 - 150^0 (tốt nhất là 90^0).**
- c. Mục tiêu khó đo trước, dễ đo sau. Biến thiên chậm đo trước, nhanh đo sau.
- d. Ưu tiên chọn mục tiêu nhân tạo, mục tiêu độc lập, mục tiêu dễ nhận biết

Câu 117. Phương pháp xác định vị trí tàu bằng mục tiêu địa văn, thực tế tiến hành để hạn chế sai số không đồng thời phải áp dụng biện pháp nào sau đây?

- a. Mục tiêu gần mũi lái đo trước, gần chính ngang đo sau
- b. Chọn mục tiêu để góc kẹp giữa các đường vị trí từ 30^0-150^0 (tốt nhất là 90^0).
- c. Mục tiêu khó đo trước, dễ đo sau
- d. Ưu tiên chọn mục tiêu nhân tạo, mục tiêu độc lập, mục tiêu dễ nhận biết**

Câu 118. Phương pháp xác định vị trí tàu bằng mục tiêu địa văn, thực tế tiến hành để hạn chế sai số không đồng thời phải áp dụng biện pháp nào sau đây khi đo khoảng cách?

- a. Mục tiêu gần chính ngang đo trước, gần mũi lái đo sau.**
- b. Chọn mục tiêu để góc kẹp giữa các đường vị trí từ 30^0-150^0 (tốt nhất là 90^0).
- c. Mục tiêu biến thiên nhanh đo trước, chậm đo sau
- d. Ưu tiên chọn mục tiêu nhân tạo, mục tiêu độc lập, mục tiêu dễ nhận biết

Câu 119. Phương pháp xác định vị trí tàu bằng mục tiêu địa văn, thực tế tiến hành để hạn chế sai số không đồng thời phải áp dụng biện pháp nào sau đây khi đo phương vị?

- a. Mục tiêu gần chính ngang đo trước, gần mũi lái đo sau.**
- b. Chọn mục tiêu để góc kẹp giữa các đường vị trí từ 30^0-150^0 (tốt nhất là 90^0).
- c. Mục tiêu biến thiên nhanh đo trước, chậm đo sau
- d. Ưu tiên chọn mục tiêu nhân tạo, mục tiêu độc lập, mục tiêu dễ nhận biết

Câu 120. Phương pháp xác định vị trí tàu bằng 2 phương vị đồng thời, thứ tự đo mục tiêu thực hiện như thế nào?

- a. Mục tiêu gần mũi lái đo sau, gần chính ngang đo trước.
- b. Mục tiêu gần mũi lái đo trước, gần chính ngang đo sau.**
- c. Mục tiêu biến thiên nhanh đo trước, biến thiên chậm đo sau.
- d. Mục tiêu dễ đo trước, khó đo sau

1.2. Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa

Câu 121. Mặt phẳng trục dọc của tàu là gì?

- a. Là mặt phẳng dọc thẳng đứng đi qua giữa chiều rộng của tàu.**
- b. Là mặt phẳng vuông góc với mặt phẳng đối xứng và chia đôi chiều dài tính toán của tàu.
- c. Là mặt phẳng nằm ngang đi qua giao điểm của mép dưới sống đáy và mặt phẳng sườn giữa.
- d. Là mặt phẳng dọc thẳng đứng đi qua giữa chiều dài của tàu.

Câu 122. Mặt phẳng sườn giữa của tàu là gì?

- a. Là mặt phẳng dọc thẳng đứng đi qua giữa chiều rộng của tàu.

- b.** Là mặt phẳng vuông góc với mặt phẳng đối xứng và chia đôi chiều dài tính toán của tàu.
- c. Là mặt phẳng nằm ngang đi qua giao điểm của mép dưới sống đáy và mặt phẳng sườn giữa.
- d. Là mặt phẳng dọc thẳng đứng đi qua giữa chiều dài của tàu.

Câu 123. Sự chênh lệch mớn nước của tàu giữa hai mạn do tác động của gió, được gọi là

- a.** Nghiêng
- b. Nghiêng nội
- c. Chúi
- d. Trôi nổi

Câu 124. Mớn nước trung bình lớn nhất mà một tàu được phép xếp hàng đảm bảo an toàn là

- a.** Mớn nước cho phép theo dấu chuyên chở
- b. Mớn nước trung bình
- c. Mớn nước được tính toán
- d. Mớn nước sâu

Câu 125. Mớn nước xác định tại các đường thủy trực và mặt phẳng sườn giữa là

- a. Mớn nước biểu kiến
- b. Mớn nước tính toán
- c.** Mớn nước tính toán
- d. Mớn nước tương đương

Câu 126. Con tàu chịu tác động của trọng lực theo chiều thẳng đứng quan trọng tâm và lực nổi tác dụng theo chiều đi lên qua

- a.** Tâm nổi
- b. Đáy tàu
- c. Tâm chúi
- d. Mặt phẳng sườn giữa

Câu 127. Tổng hợp trọng lực tác dụng lên các phần của một con tàu có thể xem như tác động thông qua điểm

- a.** Trọng tâm
- b. Tâm nổi
- c. Tâm mặt phẳng đường nước
- d. Tâm nghiêng ngang

Câu 128. Thông số quan trọng KG, được định nghĩa là

- a.** Độ cao của trọng tâm tàu tính từ đường cơ sở

- b. Chiều cao thể vững
- c. Độ cao tâm nổi tâm nghiêng tính từ đường cơ sở (đường ky tàu)
- d. Độ cao tâm nổi tâm nổi tính từ đường cơ sở (đường ky tàu)

Câu 129. “Deadweight - DWT ” có nghĩa

- a. *Là tổng khối lượng mà tàu có thể chuyên chở tính đến dầu chuyên chở hàng mùa hè*
- b. Là toàn bộ khối lượng của thân vỏ tàu, máy, các trang thiết bị, phụ tùng... không bao gồm nhiên liệu, nước ngọt (trừ nước trong nồi hơi), lương thực thực phẩm, thuyền viên
- c. Là khối lượng của phần thể tích nước mà tàu chiếm chỗ hay là tổng toàn bộ khối lượng của tất cả các thành phần trên tàu, bao gồm: thân vỏ tàu, máy móc, trang thiết bị, hàng hoá, các thành phần dự trữ, thuyền viên, hành khách,
- d. Là trọng tải dành cho chuyên chở hàng trên tàu

Câu 130. “Light Weight – Dls” có nghĩa

- a. Là tổng khối lượng mà tàu có thể chuyên chở tính đến dầu chuyên chở hàng mùa hè
- b. *Là toàn bộ khối lượng của thân vỏ tàu, máy, các trang thiết bị, phụ tùng... không bao gồm nhiên liệu, nước ngọt (trừ nước trong nồi hơi), lương thực thực phẩm, thuyền viên*
- c. Là khối lượng của phần thể tích nước mà tàu chiếm chỗ hay là tổng toàn bộ khối lượng của tất cả các thành phần trên tàu, bao gồm: thân vỏ tàu, máy móc, trang thiết bị, hàng hoá, các thành phần dự trữ, thuyền viên, hành khách,
- d. Là trọng tải dành cho chuyên chở hàng trên tàu

Câu 131. Chiều cao trọng tâm tàu được xác định bằng cách

- a. *Chia tổng momen thẳng đứng cho lượng giãn nước*
- b. Chia tổng momen dọc cho lượng giãn nước
- c. Nhân MTI với momen dọc
- d. Hiệu của LCF và LCB

Câu 132. Trong các ký hiệu sau, ký hiệu nào được dùng để ký hiệu chiều cao thể vững của tàu?

- a. *GM*
- b. M
- c. BM
- d. GZ

Câu 133. Lượng giãn nước

- a. *Là khối lượng của phần thể tích nước mà tàu chiếm chỗ.*
- b. Là toàn bộ khối lượng tàu không, bao gồm vỏ, máy, các trang thiết bị, phụ tùng nhưng không bao gồm nhiên liệu, nước ngọt (trừ nước trong nồi hơi).
- c. Là tổng khối lượng mà tàu có thể chuyên chở tính đến dầu chuyên chở hàng mùa hè.

d. Là thể tích nước mà tàu chiếm chỗ.



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

Câu 134. Chiều dài tính toán

- a. Là chiều dài lớn nhất tính theo chiều dọc tàu
- b. Là khoảng cách được đo trong mặt phẳng trục dọc tàu theo phương ngang tính từ đường vuông góc mũi FP đến đường vuông góc lái AP**
- c. Là khoảng cách lớn nhất tính theo chiều ngang tàu.
- d. Là khoảng cách thẳng đứng đo từ mép dưới của sống đáy tới đỉnh cao nhất của tàu.

Câu 135. Sức chứa hàng của tàu

- a. Là thể tích của tất cả các không gian dành cho chứa hàng của tàu**
- b. Là khối lượng hàng hóa mà tàu có thể chở
- c. Là thể tích của một tấn hàng hóa
- d. Là khối lượng của một mét khối thể tích hàng hóa

Câu 136. Từ viết tắt LCB thể hiện ký hiệu cho đại lượng

- a. Hoàn độ tâm nổi**
- b. Hoàn độ tâm mặt phẳng đường nước
- c. Hoàn độ trọng tâm
- d. Cao độ tâm nổi

Câu 137. Từ viết tắt LCG thể hiện ký hiệu cho đại lượng

- a. Hoàn độ tâm nổi
- b. Hoàn độ tâm mặt phẳng đường nước
- c. Hoàn độ trọng tâm**
- d. Cao độ trọng tâm

Câu 138. Từ viết tắt KG thể hiện ký hiệu cho đại lượng

- a. Hoàn độ tâm nổi
- b. Cao độ tâm mặt phẳng đường nước
- c. Cao độ trọng tâm**
- d. Cao độ tâm nổi

Câu 139. Đây là mối liên hệ giữa lượng giãn nước, trọng tải toàn phần và khối lượng tàu không?

- a. $DWT = Dls - D$
- b. $D = DWT - Dls$
- c. $Dls = D + DWT$
- d. $DWT = D - Dls$**

Câu 140. Đây là công thức tính trọng tải toàn phần của tàu?

- a. $DWT = Dc + Dst + Dballast + Constant + P_{\text{hàng}}$
- b. $DWT = D + Dst + Dballast + Constant$
- c. $DWT = Dc + Dst + Dballast + Constant$**
- d. $DWT = Dc + Dst + Dballast + Constant + P_{\text{hàng}} + \text{Light ship}$

Câu 141. Đối với tàu hàng thông thường, dẩu chuyên chở mùa đông nằm ở vị trí nào so với dẩu chuyên chở mùa hè của tàu?

- a. Nằm ở phía dưới dẩu chuyên chở mùa hè $1/36$ mớn nước mùa hè của tàu
- b. Nằm ở phía dưới dẩu chuyên chở mùa hè $1/48$ mớn nước mùa hè của tàu**
- c. Nằm ở phía trên dẩu chuyên chở mùa hè $1/36$ mớn nước mùa hè của tàu
- d. Nằm ở phía trên dẩu chuyên chở mùa hè $1/48$ mớn nước mùa hè của tàu

Câu 142. Với thước đo mớn nước hệ mét thì đâu là các kích thước của các con số được ghi trên thước đo mớn nước?

- a. Các chữ số có chiều cao 6cm, khoảng cách giữa hai chữ số là 10cm, bề dày con số là 1cm
- b. Các chữ số có chiều cao 10cm, khoảng cách giữa hai chữ số là 10cm, bề dày con số là 2cm**
- c. Các chữ số có chiều cao 6 cm, khoảng cách giữa hai chữ số là 6 cm, bề dày con số là 1 cm
- d. Các chữ số có chiều cao 10cm, khoảng cách giữa hai chữ số là 6cm, bề dày con số là 2cm

Câu 143. Hệ số chất xếp hàng

- a. Là thể tích của một tấn hàng hoá, đơn vị là m^3/t hoặc ft^3/t**
- b. Là thể tích của một tấn hàng hoá, đơn vị là T/m^3 hoặc T/ft^3
- c. Là khối lượng của một mét khối hoặc feet khối hàng hoá, đơn vị là m^3/t hoặc ft^3/t
- d. Là khối lượng của một mét khối hoặc feet khối hàng hoá, đơn vị là T/m^3 hoặc T/ft^3

Câu 144. Đại lượng TPC cho biết giá trị nào?

- a. Số tấn làm thay đổi 1 cm chiều chìm của tàu**
- b. Momen làm thay đổi 1 cm chiều chìm của tàu
- c. Số tấn làm thay đổi 1 cm chiều chúi của tàu
- d. Momen làm thay đổi 1 cm chiều chúi của tàu.

Câu 145. Một tàu sau khi xếp hàng tại cảng, mớn nước tính toán của tàu như sau: $d_a = 6.1$ m, $d_f = 6.7$ m, $d_m = 6.6$ m. Xác định tư thế tàu và hiệu số mớn nước của tàu?

- a. Tàu chúi mũi với hiệu số mớn nước $t = - 0.6$ m**
- b. Tàu chúi lái với hiệu số mớn nước $t = 0.6$ m
- c. Tàu chúi mũi với hiệu số mớn nước $t = + 0.5$ m
- d. Tàu chúi lái với hiệu số mớn nước $t = - 0.5$ m

Câu 146. Một tàu sau khi xếp hàng tại cảng, chiều cao trọng tâm tàu là 7,8m và chiều cao tâm nghiêng ngang là 8m. Chiều cao thể vững của tàu là

- a. -0.8m

- b. 0.8m
- c. 15.8m
- d. 2.5m

Câu 147. Biện pháp nào sau đây giúp hạn chế ảnh hưởng xấu của các két không đầy?

- a. Giữ nguyên tình trạng của các két khi tàu hành trình.
- b. Hạn chế để két rỗng hoặc bơm đầy két.
- c. Tăng tốc tàu nhanh hơn.
- d. Giảm kích thước két.

Câu 148. Khi hàng được dịch chuyển từ vị trí thấp lên vị trí cao hơn, điều gì xảy ra với chiều cao thể vững GM?

- a. Không thay đổi
- b. GM tăng
- c. GM giảm
- d. GM bằng 0

Câu 149. Khi hàng được dịch chuyển từ vị trí cao xuống vị trí thấp hơn, điều gì xảy ra với chiều cao thể vững GM?

- a. Không thay đổi
- b. GM tăng
- c. GM giảm
- d. GM bằng 0

Câu 150. Khi xếp hàng vào vị trí thấp hơn trọng tâm tàu G, điều gì xảy ra với GM?

- a. Không thay đổi
- b. GM tăng
- c. GM giảm
- d. GM bằng 0

Câu 151. Trường hợp nào sau đây làm giảm chiều cao thể vững của tàu?

- a. Bơm đầy vào két ballast thấp nhất
- b. Xếp hàng vào vị trí cao hơn trọng tâm tàu
- c. Dỡ hàng từ vị trí dưới mạn tàu
- d. Tăng mớn nước tàu

Câu 152. Khi xét ảnh hưởng của việc xếp/dỡ hàng tới chiều cao thể vững, cần lưu ý điều gì?

- a. Vị trí mũi tàu
- b. Góc quay bánh lái
- c. Vị trí trọng tâm của lô hàng so với trọng tâm tàu
- d. Loại hàng hóa

Câu 153. Khi xuất hiện két voi trong ballast, điều gì cần được thực hiện?

- a. Không cần hiệu chỉnh gì
- b. Cần hiệu chỉnh ổn định tàu do ảnh hưởng của mặt thoáng chất lỏng**
- c. Cần thay đổi lượng hàng trên boong
- d. Cần giảm tốc độ tàu

Câu 154. Theo tiêu chuẩn IS code, giá trị diện tích dưới đường cong ổn định (GZ) từ 0° đến 30° không được nhỏ hơn bao nhiêu?

- a. 0,055 m-rad**
- b. 0,060 m-rad
- c. 0,030 m-rad
- d. 0,090 m-rad

Câu 155. Theo tiêu chuẩn IS code, giá trị diện tích dưới đường cong ổn định (GZ) từ 0° đến 40° không được nhỏ hơn bao nhiêu?

- a. 0,055 m-rad
- b. 0,060 m-rad
- c. 0,030 m-rad
- d. 0,090 m-rad**

Câu 156. Theo tiêu chuẩn IS code, góc nghiêng tại đó GZ đạt giá trị cực đại phải không nhỏ hơn bao nhiêu độ?

- a. 15°
- b. 20°
- c. 25°**
- d. 30°

Câu 157. Theo Bộ luật quốc tế về Vận chuyển an toàn hàng hạt rời, thuật ngữ "Hạt" trong vận chuyển hàng hạt rời bao gồm loại nào sau đây?

- a. Đá, cát, xi măng
- b. Sắt vụn, than đá
- c. Lúa mì, ngô, gạo, hạt có dầu**
- d. Thép cuộn, gỗ

Câu 158. Khi tàu không có giấy phép vận chuyển hàng hạt rời, trường hợp nào sau đây vẫn được chấp nhận?

- a. Tàu thuộc sở hữu cá nhân
- b. Thuyền trưởng có thể chứng minh rằng việc xếp hàng theo đúng quy định**
- c. Tàu đi tuyến nội địa
- d. Hàng không cần ổn định

Câu 159. Hàng nguy hiểm được chia thành bao nhiêu loại theo IMDG Code?

- a. 6 loại
- b. 8 loại
- c. 9 loại**
- d. 10 loại

Câu 160. Ký hiệu “1” trong bảng phân cách hàng nguy hiểm có nghĩa là:

- a. Không được xếp chung
- b. Có thể xếp chung nhưng phải cách nhau 3m theo phương ngang**
- c. Phải có vách ngăn lửa
- d. Chỉ được xếp ngoài boong

Câu 161. 1 TEU tương đương với loại container nào sau đây?

- a. Container 10 feet
- b. Container 20 feet**
- c. Container 30 feet
- d. Container 40 feet

Câu 162. Nếu một tàu container có sức chở 5000 TEUs, điều đó có nghĩa là gì?

- a. Có thể chở 2500 container 40 feet
- b. Có thể chở 5000 container 10 feet
- c. Có thể chở 5000 container 20 feet**
- d. Có thể chở 10000 container 20 feet

Câu 163. 1 FEU tương đương với bao nhiêu TEU?

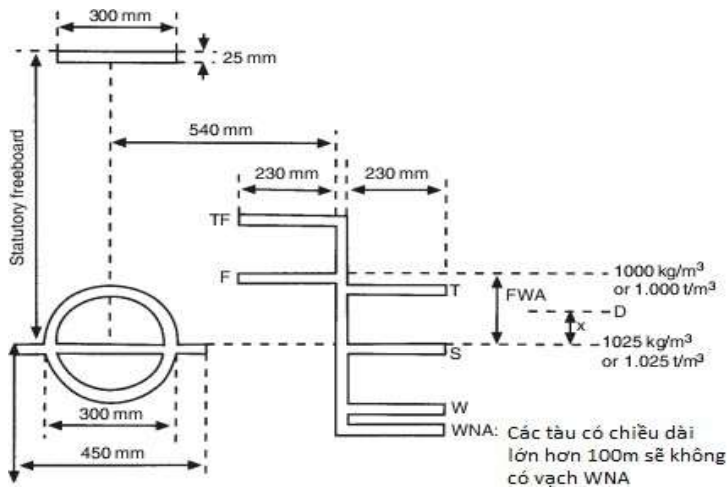
- a. 0.5 TEU
- b. 2 TEU**
- c. 1.5 TEU
- d. 4 TEU

Câu 164. Container nặng thường được xếp ở đâu để đảm bảo tính ổn định của tàu?

- a. Trên cùng boong tàu
- b. Dưới đáy hầm hàng**
- c. Gần buồng lái
- d. Chênh thành tàu

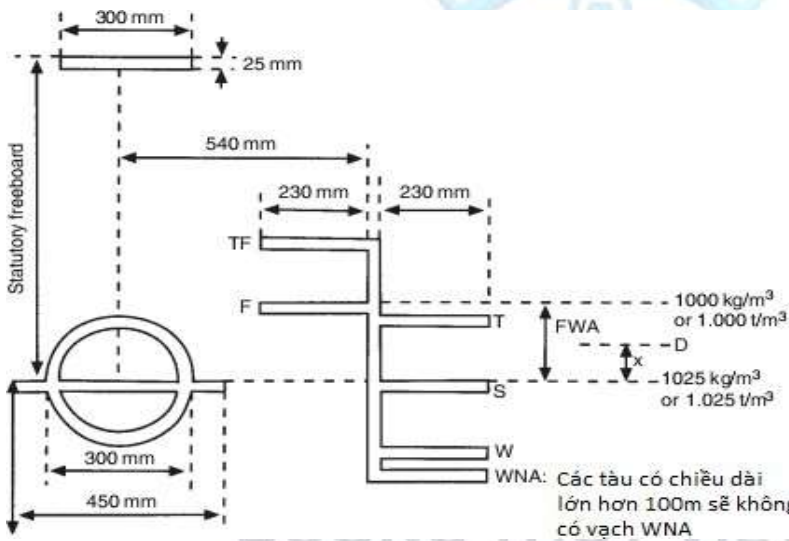
Câu 165. Trong hình vẽ, ký hiệu “S” để chỉ





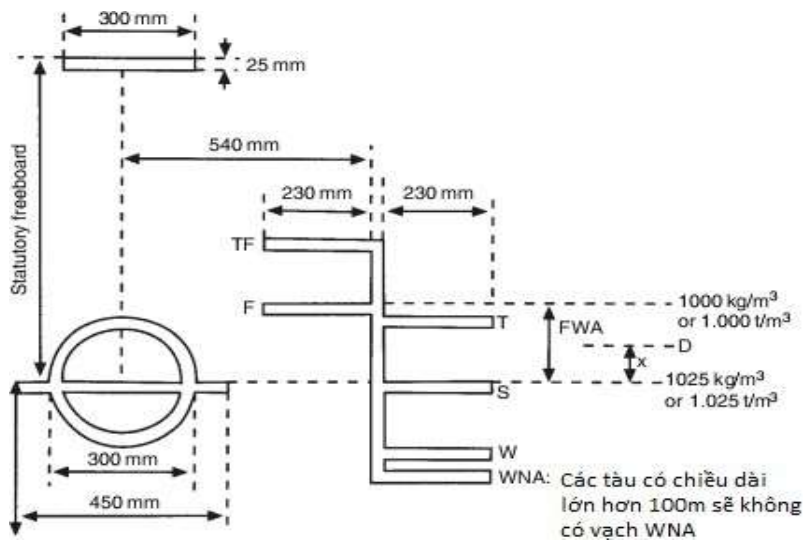
- a. *Vùng nước mặn mùa hè*
- b. Vùng nước mặn mùa đông
- c. Vùng nước ngọt mùa hè
- d. Vùng nước khí hậu nhiệt đới

Câu 166. Trong hình vẽ, ký hiệu “T” để chỉ



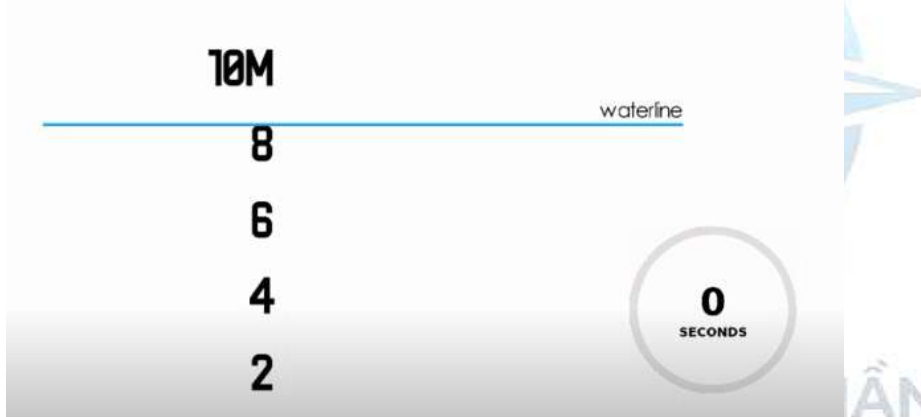
- a. Vùng nước mặn mùa hè
- b. Vùng nước mặn mùa đông
- c. Vùng nước ngọt mùa hè
- d. *Vùng nước khí hậu nhiệt đới*

Câu 167. Trong hình vẽ, ký hiệu “F” để chỉ



- a. Vùng nước mặn mùa hè
- b. Vùng nước mặn mùa đông
- c. Vùng nước ngọt mùa hè**
- d. Vùng nước khí hậu nhiệt đới

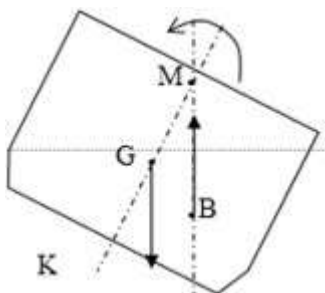
Câu 168. Trong hình vẽ, mớn nước đọc được có giá trị là



- a. 9m
- b. 9.9m**
- c. 10.9m
- d. 8.5m

ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

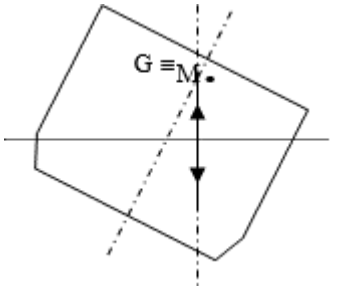
Câu 169. Trong các trường hợp sau đây, tàu ở trạng thái cân bằng gì?



- a. Cân bằng bền**
- b. Cân bằng phiếm định

- c. Cân bằng không bền
- d. Không đủ cơ sở kết luận

Câu 170. Trong các trường hợp sau đây, tàu ở trạng thái cân bằng gì?



- a. Cân bằng bền
- b. Cân bằng phiếm định**
- c. Cân bằng không bền
- d. Không đủ cơ sở kết luận

Câu 171. Theo bộ luật IMDG code, chất khí dễ cháy (Flammable gases) thuộc nhóm nào trong phân loại hàng nguy hiểm?

- a. Loại 4
- b. Loại 2.1**
- c. Loại 6
- c. Loại 8

Câu 172. Chiều cao thể vững GM càng lớn thì

- a. Tàu hồi phục nhanh nhưng lắc chậm.
- b. Tàu dễ bị lật hơn.**
- c. Tàu hồi phục nhanh nhưng lắc mạnh.
- d. Tàu không bị ảnh hưởng bởi sóng.

Câu 173. Khi hàng hóa được đưa từ hầm tàu lên boong, ảnh hưởng đến ổn định là:

- a. Tăng độ sâu môn nước.
- b. Làm giảm chiều cao GM.
- c. Làm tàu quay tròn.**
- d. Không ảnh hưởng vì khối lượng không đổi.

Câu 174. Ảnh hưởng của tải trọng lỏng (như nước dằn chưa đầy kết) đến ổn định là gì?

- a. Làm tăng GM.
- b. Giảm độ ổn định do hiệu ứng mặt tự do.**
- c. Không ảnh hưởng vì trọng lượng không đổi.
- d. Làm tàu lật ngay lập tức.

Câu 175. Để tăng chiều cao GM, biện pháp nào sau đây là phù hợp?

- a. Chuyển hàng từ thấp lên cao.
- b. Bơm thêm nước dần phía trên.
- c. Di chuyển tải trọng xuống thấp hơn trong tàu.**
- d. Chạy tàu với tốc độ lớn hơn.

Câu 176. Một sơ đồ xếp dỡ hàng khô phải đảm bảo yêu cầu

- a. Đảm bảo sức bền cục bộ và sức bền dọc thân tàu
- b. Tận dụng hết trọng tải và dung tích tàu
- c. Đảm bảo ổn định và hiệu số món nước
- d. Tất cả các đáp án trên**

Câu 177. Khi thực hiện công tác xếp dỡ hàng hạt rời, cần chú ý các biện pháp cố định bề mặt hàng hạt rời?

- a. San bằng tất cả bề mặt để làm giảm thấp nhất của sự dịch chuyển hàng hạt**
- b. San tập trung vào khu vực giữa khoang hàng
- c. Không cần để ý đến các vách dọc làm giảm nghiêng ngang tàu
- d. Không cần để ý đến các vách dọc làm chúi mũi hoặc chúi lái tàu

Câu 178. Việc chuyển tải trọng theo phương ngang từ bên phải sang bên trái tàu gây ra điều gì?

- a. Tăng tốc tàu.
- b. Làm thay đổi trạng thái nghiêng ngang.**
- c. Tàu lắc mạnh hơn.
- d. Làm thay đổi trạng thái nghiêng dọc.

Câu 179. Tàu có chiều cao GM âm có nghĩa là gì?

- a. Tàu bị mất ổn định và dễ bị lật.**
- b. Tàu cực kỳ ổn định.
- c. Tàu có thể tự động hồi phục sau khi nghiêng.
- d. Không ảnh hưởng gì đến an toàn.

Câu 180. Tàu bị nghiêng sang một bên có thể do nguyên nhân nào sau đây?

- a. Trọng tâm nằm chính giữa.
- b. Tải trọng phân bố không đều.**
- c. Ảnh hưởng của áp suất khí quyển.
- d. Hệ thống la bàn bị lệch.

Câu 181. Nguyên nhân nào dưới đây không phải là nguyên nhân gây ra hiện tượng tàu bị nghiêng sang một bên?

- a. Phân bố tải trọng không đều giữa hai mạn.
- b. Món nước mũi lớn hơn món nước lái**
- c. Tàu có GM âm, gây mất ổn định.
- d. Gió và sóng tác động không đều lên thân tàu.

Câu 182. Khi tàu có dẫn nước đầy ở đáy và hàng hóa đặt thấp, kết luận nào sau đây đúng?

- a. *Tàu ổn định của tàu lớn và lắc cứng.*
- b. Tàu mất ổn định.
- c. Tàu ổn định của tàu nhỏ và lắc mềm.
- d. Tàu dễ bị nghiêng.

Câu 183. Nguyên nhân gây nghiêng chòng chành

- a. *Trọng tâm tàu quá cao, dẫn đến GM âm.*
- b. Trọng tâm tàu quá thấp, dẫn đến GM âm.
- c. Trọng tâm tàu quá thấp, dẫn đến GM âm
- d. Tàu quay trở quá nhanh.

Câu 184. Sự khác nhau giữa nghiêng chòng chành và nghiêng do tải trọng lệch là gì?

- a. Nghiêng chòng chành do trọng tâm tàu quá thấp.
- b. *Nghiêng chòng chành là do GM âm, còn nghiêng do phân bố tải trọng lệch có GM dương.*
- c. Nghiêng chòng chành là do GM âm, còn nghiêng do phân bố tải trọng lệch có GM dương.
- d. Nghiêng chòng chành là do GM dương, còn nghiêng do phân bố tải trọng lệch có GM âm.

Câu 185. Khi xuất hiện angle of loll, biện pháp đầu tiên cần làm là gì?

- a. Tăng tốc tàu để thoát khỏi trạng thái nghiêng.
- b. Ngừng tàu và chờ cho trạng thái ổn định.
- c. *Điều chỉnh tải trọng để hạ trọng tâm tàu và làm GM dương trở lại.*
- d. Không cần làm gì vì đó là trạng thái ổn định tự nhiên.

Câu 186. Khi tàu chuyển từ nước biển sang nước ngọt, mớn nước của tàu sẽ:

- a. *Tăng do lực nổi giảm.*
- b. Giảm do lực nổi tăng.
- c. Tăng do lực nổi tăng.
- d. Tăng rồi giảm sau khi ổn định.

Câu 187. Fresh Water Allowance (FWA) là gì?

- a. Lượng nhiên liệu cần thêm khi vào nước ngọt.
- b. *Mức tăng mớn nước khi tàu chuyển từ nước biển sang nước ngọt.*
- c. Mức giảm mớn nước khi tàu chuyển từ nước biển sang nước ngọt.
- d. Khoảng cách giữa vạch mớn nước thực tế và lý thuyết.

Câu 188. Khi tỷ trọng nước tăng (ví dụ từ nước ngọt sang nước biển), điều gì xảy ra với mớn nước tàu?

- a. *Mớn nước giảm.*
- b. Mớn nước tăng.

c. Món nước không đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG

d. Mớn nước tăng rồi giảm.

Câu 189. Vì sao phải hiệu chỉnh mớn nước theo tỷ trọng nước?

a. Để tính được độ nghiêng ngang.

b. Để xác định lượng hiệu chỉnh chiều cao thể vững

c. Để đảm bảo mớn nước không vượt quá giới hạn cho phép khi xếp hàng.

d. Để đảm bảo mớn nước phải lớn hơn giới hạn cho phép khi xếp hàng.

Câu 190. DWA phản ánh điều gì trong thực tiễn vận hành tàu?

a. Thời gian tàu đi qua vùng nước lợ.

b. Lượng nổi thêm khi tàu chuyển vào nước có tỷ trọng nhỏ hơn nước biển chuẩn.

c. Lượng chìm thêm khi tàu chuyển vào nước có tỷ trọng nhỏ hơn nước biển chuẩn.

d. Lượng thay đổi chiều cao GM của tàu.

Câu 191. Khi vận chuyển hàng xăng dầu, quy trình xếp hàng được thực hiện

a. Hoàn thành bản danh mục kiểm tra an toàn với cảng

b. Không cần bố trí thuyền viên trực làm hàng

c. Không cần bố trí thuyền viên theo dõi tình trạng xung quanh tàu

d. Không cần bố trí kiểm tra kết hàng trước khi xếp hàng

Câu 192. Hoạt động làm hàng xăng dầu có thể phải dừng ngay trong trường hợp

a. Có bão, mưa giông

b. Bị tàu khác va chạm

c. Do yêu cầu của cảng

d. Tất cả các đáp án trên

Câu 193. Mục đích của việc kiểm tra sức bền cục bộ khi xếp hàng là gì?

a. Tính số lượng nhân lực cần làm hàng.

b. Đảm bảo sàn hầm hoặc boong không bị nhẹ tải tại các vị trí đặt hàng.

c. Đảm bảo sàn hầm hoặc boong không bị quá tải tại các vị trí đặt hàng.

d. Đảm bảo hàng không rơi khỏi tàu.

Câu 194. Đối với phương tiện chở xăng dầu, biện pháp phun nước lên boong có tác dụng

a. Giảm nhiệt độ trên boong

b. Tăng áp suất khoảng trống trong két

c. Tăng việc xả khí do áp suất trong két cao hơn áp suất đặt của các van thở.

d. Vệ sinh mặt boong cho sạch sẽ

Câu 195. Khi xếp hàng cục bộ nặng như sắt cuộn, ta cần thực hiện biện pháp nào để bảo vệ sàn?

a. Dùng đệm lót để phân bố đều tải trọng.

b. Đặt hàng sát vào mép hầm.

c. Bọc hàng bằng nhựa.

d. Kết hợp cầu nâng hàng để làm nhẹ tải

Câu 196. Tải trọng cục bộ quá lớn thường xuất hiện khi:

- a. Xếp hàng nhẹ như giấy cuộn.
- b. Hàng hóa nặng được đặt tập trung vào một diện tích nhỏ.**
- c. Xếp hàng rời như than đá.
- d. Hàng hóa nặng được đặt tập trung vào một diện tích lớn.

Câu 197. Xếp hàng đúng theo tải trọng thiết kế có tác dụng gì?

- a. Tăng tốc độ hành trình.
- b. Bảo vệ kết cấu tàu, tránh hư hại tại các vị trí xếp hàng.**
- c. Tối ưu hóa tiêu hao nhiên liệu.
- d. Giảm thời gian cập cảng.

Câu 197. Vận chuyển hàng hóa bằng container có ưu điểm

- a. Thời gian quay vòng chậm
- b. Bảo quản hàng hóa phức tạp
- c. Tỷ lệ hao hụt hàng hóa cao hơn so với các loại hình vận tải khác
- d. Năng suất xếp dỡ và vận chuyển rất cao do chuyên dụng hóa trang thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận tải cũng như bến bãi**

Câu 198. Loại hàng hóa nguy hiểm như khí ga dễ cháy; khí ga không dễ cháy, không độc hại và khí ga độc hại thuộc

- a. Loại 1
- b. Loại 2**
- c. Loại 3
- d. Loại 4

Câu 199. Trong ngành vận tải thủy, loại container nào được dùng phổ biến nhất hiện nay?

- a. Container hàng rời
- b. Container bảo ôn
- c. Container mặt bằng
- d. Container bách hóa**

Câu 200. Các dấu hiệu trong khai thác được thể hiện trên vỏ container gồm mấy loại?

- a. Hai loại**
- b. Ba loại
- c. Bốn loại
- d. Năm loại

Phần 2. LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
ĐÀO TẠO & CẤP BẰNG